

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh Dược phẩm trên toàn quốc

Để đảm bảo cung cấp đầy đủ các hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Viện Y học biển, Viện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xem xét, đánh giá và thực hiện lựa chọn giá hàng hóa cung cấp cho Nhà thuốc Viện Y học biển năm 2026 (đợt 2). Viện Y học biển kính mời các Công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh Dược phẩm trên toàn quốc có khả năng cung cấp gửi báo giá về Viện, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Nhà thuốc Viện Y học biển

Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Bà Vũ Thị Hoài - Nhân viên Nhà thuốc - Khoa Dược, Viện Y học biển

- Điện thoại: 093 455 88 46 hoặc 0225.3519687 (nhánh 113)

- Email: khoaduoc@vinimam.org.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Viện Y học biển

- Hoặc nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Nhà thuốc Viện Y học biển (Kèm file điện tử qua email: tms@vinimam.org.vn)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thư mời.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

2. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau

2.1. Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm.

2.2. Các tài liệu thông tin về Hồ sơ pháp lý

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược;

- Giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt phân phối thuốc”;

- Chứng chỉ hành nghề của người quản lý chuyên môn.

2.3. Các tài liệu thông tin về Hồ sơ sản phẩm

- Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất, nhà xuất khẩu;
- Mẫu nhãn, hướng dẫn sử dụng có xác nhận của Cục Quản lý Dược;
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (đối với thuốc nhập khẩu);
- Phiếu kiểm nghiệm thành phẩm và các tài liệu khác kèm theo;
- Hóa đơn GTGT của Công ty bán hàng cho cơ sở khám, chữa bệnh khác;
- Các yêu cầu khác (nếu có): Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa chào giá trong vòng 12 tháng liền kề.

2.4. Bản cam kết (*Phụ lục 3 đính kèm*).

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. QLCL (để đăng tải);
- Lưu: VT, KD.





PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời số 64 /TM-YHB ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Viện Y học biển)

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuốc thuộc Thông tư số 20/TT-BYT						
1	Aluminum hydroxide (dưới dạng Dried Aluminum hydroxide gel) ; Magnesium hydroxide	35mg/ml x 20ml (3,5% (w/v)); 40mg/ml x 20ml (4,0% (w/v))	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Gói	12,000
2	Calci ascorbat khan (dưới dạng Calci ascorbat); Lysin hydroclorid; Acid ascorbic (dưới dạng Lysin ascorbat)	250mg, 141,7mg, 136,6mg/5ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ống	8,000
3	Diosmin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	24,000
4	Acid alendronic (dưới dạng alendronat natri)	70mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Nhóm 2	Viên	4,000
5	Acid alendronic (dưới dạng Natri Alendronat trihydrat); Vitamin D3 (colecalfiferol) (tương đương 5600UI vitamin D)	70mg, 5600UI	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Viên	4,000
6	Amoxicilin (dưới dạng amoxicilin trihydrat) + Acid Clavulanic (dưới dạng Kali klavulanat+ cellulose vi tinh thể tỉ lệ 1:1)	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	14,000
7	Acid thioctic (alpha-lipoic acid) 600mg	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	25,000
8	Alphachymotrypsin 8400 UI	8400 UI	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Viên	25,000
9	Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat) + Acid salicylic	5mg/10g + 300mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ dùng ngoài	Nhóm 5	Tuýp	150

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
10	Betamethason dipropionat + Acid salicylic	(6,4 mg + 300mg)-tuýp 10g	Dùng ngoài	Mỡ bôi da	Nhóm 4	Tuýp	600
11	Bilastine 2,5mg/ml	2,5mg/ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Gói	5,000
12	Bismuth subsalicylat 262mg	262mg	Uống	Viên nén nhai	Nhóm 4	Viên	15,000
13	Bismuth subsalicylate	17,52 mg/ml (1,752% kl/tt)- 150ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Chai	800
14	Bismuth subsalicylate	17,52 mg/ml (1,752% kl/tt) - 30ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Gói	8,000
15	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrat) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	(1,5mg+ 15mg)/30g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Nhóm 4	Tuýp	120
16	Canxi cacbonat; Cholecalciferol	1250mg; 400IU	Uống	Viên nén nhai	Nhóm 4	Viên	8,000
17	Desloratadin	5mg	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Viên	10,000
18	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Viên	15,000
19	Diosmin	600mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 2	Gói	15,000
20	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Nhóm 5	Viên	18,000
21	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Viên	6,000
22	Galantamin hydrobromid	5mg	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Viên	3,000
23	Methylcobalamin	1500mcg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Viên	6,000

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
24	Mỗi 10 ml chứa: Calci lactat pentahydrat(tương đương 64,87mg Ca) 500mg	500mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ổng	8,000
25	Mỗi ml chứa: Acid ascorbic 72,4mg ; Calcium carbonat 12,8mg ; Lysin HCl 28,33mg	72,4mg; 12,8mg; 28,33mg	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ổng	8,000
26	Monobasic natri phosphat +Dibasic natri phosphat	(21,41g +7,89g)/ 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Nhóm 4	Lọ	3,000
27	N-Acetylcystein	600mg	Uống	Viên nén sủi	Nhóm 1	Viên	3,000
28	Pantoprazol	40mg	Uống	viên nén bao tan trong ruột	Nhóm 5	Viên	14,000
29	Pregabalin	25mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Viên	15,000
30	Sắt (dưới dạng sắt (III) hydroxyd polymaltose complex)	10mg/ml; 5ml	Uống	Si rô	Nhóm 4	Ổng	30,000
31	Telmisartan	80mg	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Viên	7,000
32	Tizanidine (dưới dạng tizanidine hydrochloride)	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Viên	20,000
II	Thuốc không thuộc Thông tư số 20/TT-BYT						
33	Almagate	100 mg/ml (10% kl/tt)-120ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Chai	1,200
34	Almagate	500mg	Uống	Viên nhai	Nhóm 4	Viên	15,000
35	Almagate	100 mg/ml (10% kl/tt)-15ml	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Gói	24,000
36	Almagate	500mg	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Viên	7,000
37	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg + 5mcg)/5ml; x 10ml	Uống	Siro thuốc	Nhóm 4	Ổng	15,000

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
38	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	875mg; 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Viên	14,000
39	Arginin hydroclorid	800mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ống	15,000
40	Arginin hydroclorid	1000mg/10ml-150ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Chai	600
41	Arginine hydrochloride	800mg/10ml-150ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Chai	600
42	Benfotiamin	150mg	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 4	Viên	12,000
43	Calciglucofetomat + Acid ascorbic + Nicotinamid	1100mg, 100 mg, 50 mg/10 ml	Uống	Dung dịch	Nhóm 4	Ống	6,000
44	Cholin alfoscerat	600mg/7ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ống	15,000
45	Choline alfoscerate	600mg/7ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Chai	6,000
46	Ciclopirox	1g/100ml; 100ml	Dùng ngoài	Dung dịch	Nhóm 4	Lọ	150
47	Ethyl Icosapentate	900mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 1	Gói	12,600
48	Ezetimibe; Rosuvastatin (dưới dạng rosuvastatin calci)	10mg, 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Viên	12,000
49	Levocarnitine (30% (kl/tt))	1,5g/5ml	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Ống	10,000
50	Mỗi gói 4,12g chứa L-Isoleucin 952mg; L-Leucin 1904mg; L-Valin 1144mg	952mg; 1904mg; 1144mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Nhóm 2	Gói	10,000
51	Omega-3-acid ethyl esters	1000mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	viên	30,000
52	Oxetacain + Nhôm hydroxid + Magnesi hydroxid	(20mg + 612mg + 195mg) x 10g	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Gói	20,000

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
53	Selenium sulfid	2,5g/100ml, Chai 120ml	Dùng ngoài	Dầu gội đầu	Nhóm 5	Chai	120
54	Ubidecarenon	50mg	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 5	Viên	9,000
55	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	100mg	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Viên	30,000
III	Sản phẩm không phải là thuốc						
56	Beta Hydroxy acid (BHA/ Salicylic acid), Chiết xuất lô hội (Aloe Vera Extract), Chiết xuất Cúc Kim tiền (Calendula Officinalis Extract), Chiết xuất Cúc vạn diệp (achillea millefolium extract), Tinh dầu long não (Camphor Oil), Tinh dầu đinh hương (Clove Leaf oil), Phenoxyethanol, Ethylhexylglycerin		Viên đặt trực tràng	Viên đạn	TBYT	Hộp	200
57	HEMA-HAS Copolymer: 10% (Copolymer of 2- hydroxyethyl methacrylate chứa nhóm amin được bảo vệ và định hướng không gian), Adeps solidus: 90%	10%; 90%;	Dùng ngoài	Gel	TBYT	Viên	600
58	HEMA-HAS Copolymer: 12,37%(Copolymer of 2- Hydroxyethyl Methacrylate chứa nhóm amin được bảo vệ và định hướng không gian). Macrogol 300: 46,44%. Purified water: 41,19%.	12,37%; 46,44%; 41,19%	Dùng ngoài	Gel	TBYT	Tuýp	100

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
59	HEMA-HAS Copolymer: 12,37%(Copolymer of 2- Hydroxyethyl Methacrylate chứa nhóm amin được bảo vệ và định hướng không gian). Macrogol 300: 46,44%. Purified water: 41,19%.	12,37%; 46,44%; 41,19%	Dùng ngoài	Gel	TBYT	Tuýp	50
60	Purified Water, Paraffinum liquidum, Petrolatum, Ethanol, Acrylamide/Sodium Acryloyldimethyltaurat e Copolymer (and) Water (and) C13-14 isoparaffin (and) Laureth-7, Asarum sieboldii root extract, Zinc Oxide, Phenoxyethanol (and) Ethylhexylglycerin, Allantoin, Dipotassium Glycyrrhizate, Berberine Hydrochloride, Disodium EDTA, Tocopheryl Acetate, Menthol, Fragrance		Dạng Bôi	Kem bôi	TBYT	Hộp	200
61	Sodium laureth sulfate, Menthol crystal, Eucalyptol, Polyethylene glycol 400, Polysorbate 80, Permethrin, Glycerin, Nước tinh khiết, Cồn.	150ml	Dùng ngoài	Dung dịch	TBYT	Lọ	150

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
62	Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate, Aqua, Sulfur, Salicylic Acid 2%, Glycerin, Lauryl Glucoside, Sodium Chloride, Propylene Glycol, Cocos Nucifera (Coconut) Oil, Allantoin, Fragrance, Phenoxyethanol 0,5%, Benzoic Acid 0,09%, Disodium Etidronate 0,08%, Dehydroacetic Acid 0,05%, Disodium EDTA	80g	Dùng ngoài	Xà bông	MP	Bánh	120

Tổng: 62 khoản



PHỤ LỤC 2: BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-YHB ngày tháng năm 2026 của Viện Y học biển)

TÊN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Y học biển

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Y học biển, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Danh mục hàng hóa báo giá:

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCK T	Hạn dùng (tháng)	GP LH/ GP NK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá sau VAT (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất (nếu có)				Ghi chú
																	Giá trúng thầu	Quyết định trúng thầu	Ngày quyết định	Đơn vị ra quyết định	
I	Thuốc thuộc Thông tư số 20/TT-BYT																				
1																					
2																					
n																					
II	Thuốc không thuộc Thông tư số 20/TT-BYT																				
1																					
2																					
n																					
III	Sản phẩm không phải là thuốc																				
1																					
2																					
n																					

(Giấy phép đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của thuốc, giấy chứng nhận GDP của công ty)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày), kể từ ngày công ty báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thư mời số/TM-YHB ngày tháng năm 2026 của Viện Y học biển)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Công ty trân trọng gửi bảng báo giá cho Viện Y học biển và cam kết các điều kiện sau:

- Cam kết giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của Nhà thuốc (bằng điện thoại, fax, email....).
 - Cam kết giá hàng hóa bán cho Nhà thuốc Viện:
 - + Đối với thuốc là giá trúng thầu thấp nhất còn hiệu lực. Thuốc có trong danh mục đấu thầu của chính Viện, giá thuốc của Công ty bán cho Viện không được cao hơn giá thuốc trúng thầu tại cùng thời điểm. Thuốc thuộc danh mục đàm phán giá, giá bán không được cao hơn giá đàm phán kể từ khi kết quả đàm phán giá có hiệu lực.
 - + Cam kết thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Cục Quản lý Dược Nhân thuốc theo đúng quy chế nhãn, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.
 - + Công ty cam kết tuân thủ các quy định kê khai, kê khai lại hoặc công bố, công bố lại giá bán buôn theo quy định của luật hiện hành.
 - Cam kết về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm cung ứng cho Nhà thuốc phải đảm bảo tối thiểu còn 6 tháng.
 - Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Nhà thuốc.
 - Cam kết sau 03 tháng nếu hàng hóa không bán được thì Công ty phải mua lại toàn bộ số lượng hàng hóa với giá bán ra của Nhà thuốc.
- Trân trọng./.

Đại diện hợp pháp của công ty

(Ký tên, ghi rõ họ tên)